



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08910/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2316  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 03/10/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/10/2025 - 16/10/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	40	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	8,640	-
3	Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> )	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=2,62)	500
4	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=1,14)	1.000
5	Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> )	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=0,188)	850
6	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	20	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT2: Khí thải sau hệ thống lọc bụi tay áo.

Tọa độ: X= 1187764, Y= 410173

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo



TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08911/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠNH VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2316  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 03/10/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/10/2025 - 16/10/2025



Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT1	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	TCVN 6625:2000	mg/L	605	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	TCVN 6001-1:2021	mg/L	483	300
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	982	500
5	Tổng Nito <sup>(a)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/L	58	60
6	Tổng Phospho <sup>(a)</sup>	TCVN 6202:2008	mg/L	0,72	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	12,7	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	26x10 <sup>3</sup>	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải trước hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410176

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

-(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

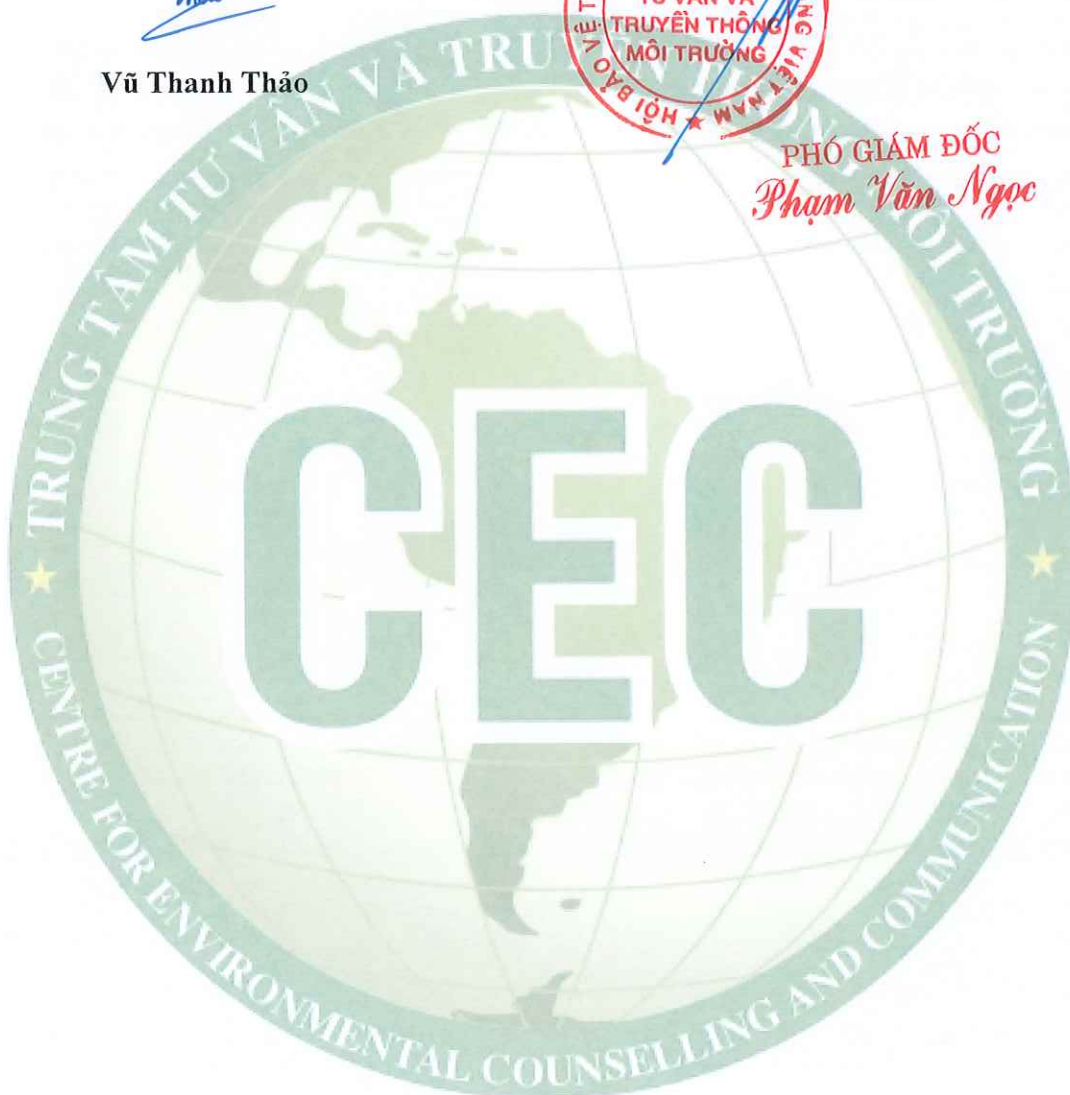
XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Ngọc*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08912/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trưng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2316  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 03/10/2025 Thời gian thử nghiệm : 03/10/2025 - 16/10/2025



Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	TCVN 6625:2000	mg/L	24	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	TCVN 6001-1:2021	mg/L	20	300
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	57	500
5	Tổng Nito <sup>(a)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/L	6,5	60
6	Tổng Phospho <sup>(a)</sup>	TCVN 6202:2008	mg/L	KPH (MDL=0,02)	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,8	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	1,7x10 <sup>3</sup>	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410210

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

-(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

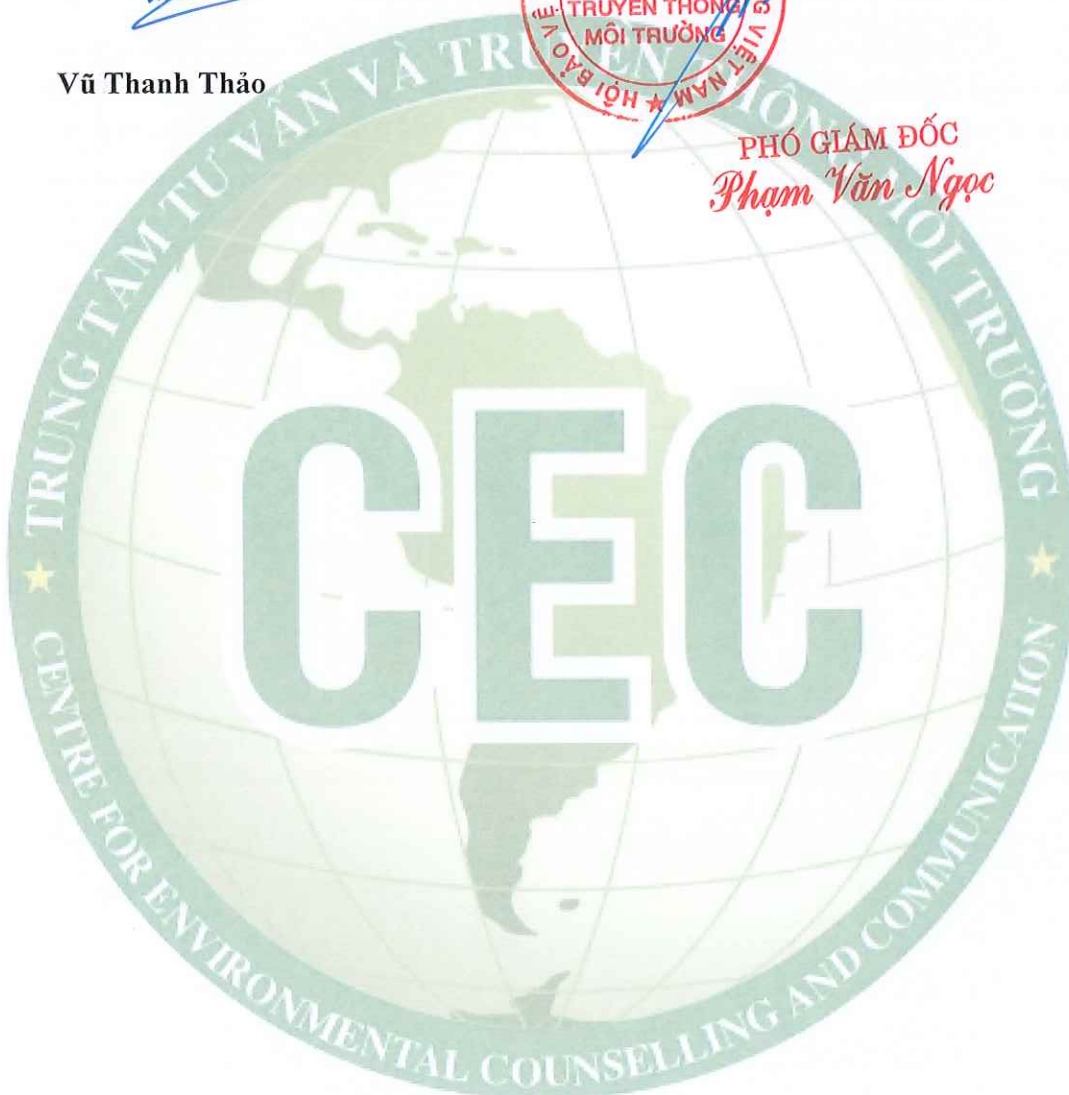
XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Ngọc*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp





VIMCERT 208

# TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



## BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Mã đơn hàng: 25.2316

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 3...tháng 10...năm 20 25  
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam do CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH yêu cầu.

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam  
Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tuấn Khanh Chức vụ: .....  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện: .....  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện: .....  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường  
Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tấn An Chức vụ: QT  
Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Trung Hiếu Chức vụ: QT  
Đại diện: Ông (bà) Tạ Quốc Dũng Chức vụ: QT  
Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở: Hoạt động bình thường

6. Điều kiện khí hậu trong quan trình đo đạc, lấy mẫu: Trời nắng

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Thông số thực hiện	Ghi chú
1	KT2	Khí thải sau hệ thống lọc bụi tay áo	X= 1187764 Y= 410173	Nhiệt độ, Lưu lượng, Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> ), Cacbon monoxit (CO), Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ), Bụi tổng (PM)	
2	NT1	Nước thải trước hệ thống xử lý	X= 1187750 Y= 410176	pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Asen (As), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

VIMCERT 208

3	NT2	Nước thải sau hệ thống xử lý	X= 1187750	pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Asen (As), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform
			Y= 410210	

**Phương pháp quan trắc, bảo quản mẫu: (xem phụ lục)**

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 09 giờ 00 phút, ngày 3/10/25 và kết thúc vào 11 giờ 00 phút, ngày 3/10/25

Đại diện đơn vị: Công ty Sika-Huu


Hàn Việt Nam

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị: CEC

(ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Tuấn Khanh

  
Nguyễn Tân An

Đại diện đơn vị: .....

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị: .....

(ký, ghi rõ họ tên)



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

**PHỤ LỤC**

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước mặt	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Nước thải	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> pH TCVN 6492:2011 <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999-1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước dưới đất	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước biển	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 5998:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; ISO 5667-9:2015; TCVN 8880:2011
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007
Trầm tích	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012
Khí thải	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> Nhiệt độ CEC.QTMT.KT-05 <input checked="" type="checkbox"/> Lưu lượng US EPA Method 2 <input checked="" type="checkbox"/> Lưu huỳnh dioxide (SO <sub>2</sub> ) CEC.QTMT.KT-06 <input checked="" type="checkbox"/> Cacbon monoxit (CO) CEC.QTMT.KT-06 <input checked="" type="checkbox"/> Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ) CEC.QTMT.KT-06 <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu <input checked="" type="checkbox"/> Bụi tổng (PM) EPA Method 5 <input checked="" type="checkbox"/>



